|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠOTHÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**TRƯỜNG THCS VÀ THPT****NGỌC VIỄN ĐÔNG** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**Năm học: 2021 – 2022Môn: Sinh học – Khối: 9Thời gian: 45 phút *(không tính thời gian phát đề)*MÃ ĐỀ 102 |

ĐỀ CHÍNH THỨC

**Họ và tên thí sinh:.............................................................. Lớp:............... SBD: ………..**

**Câu 1.** Các dạng đột biến cấu trúc NST được gọi là:

 **A.** Mất đoạn, chuyển đoạn, đảo đoạn, lặp đoạn.

 **B.** Mất, thêm, thay thế một cặp nuclêôtit.

 **C.** Mất , thêm, thay thế một đoạn nuclêôtit.

 **D.** Cả A và B.

**Câu 2.** Vì sao phụ nữ trên 35 tuổi, tỉ lệ sinh con bị bệnh Đao cao hơn người bình thường?

 **A.** Ảnh hưởng của tâm sinh lý.

 **B.** Tế bào sinh trứng bị lão hoá, quá trình sinh lí sinh hóa nội bào bị rối loạn.

 **C.** Vật chất di truyền bị biến đổi.

 **D.** Khả năng thụ tinh thấp.

**Câu 3.** Nguyên nhân gây đột biến gen là gì?

 **A.** Đột biến gen phát sinh do sự rối loạn trong quá trình tự sao chép ADN dưới tác động của các yếu tố tự nhiên.

 **B.** Do quá trình giao phối giữa các cá thể khác loài.

 **C.** Cả B và C đúng.

 **D.** Con người gây đột biến nhân tạo bằng các tác nhân vật lí hoặc hóa học.

**Câu 4.** Trẻ đồng sinh khác trứng có đặc điểm chung nào sau đây?

 **A.** Được sinh ra từ hai hay nhiều trứng rụng cùng lúc, được thụ tinh bởi các tinh trùng khác nhau.

 **B.** Kiểu gen giống nhau nên kiểu hình giống nhau.

 **C.** Giới tính giống nhau.

 **D.** Kiểu gen khác nhau, nhưng vì cùng môi trường sống nên kiểu hình hoàn toàn giống nhau.

**Câu 5.** Phương pháp nào dưới đây không được áp dụng để nghiên cứu di truyền ở người ?

 **A.** Phương pháp lai phân tích.

 **B.** Phương pháp phả hệ.

 **C.** Phương pháp nghiên cứu trẻ đồng sinh.

 **D.** Phương pháp di truyền phân tử.

**Câu 6.** Loại ARN nào sau đây có chức năng truyền đạt thông tin di truyền?

 **A.** ADN **B.** tARN **C.** rARN **D.** mARN

**Câu 7.** Phả hệ là:

 **A.** Sơ đồ theo dõi sự di truyền chỉ về các loại bệnh ở người.

 **B.** Sơ đồ về kiểu gen mà con người nghiên cứu.

 **C.** Sơ đồ biểu thị mối quan hệ họ hàng của mọi người trong gia đình.

 **D.** Sơ đồ biểu thị sự di truyền về một tính trạng nào đó trên những người thuộc cùng một dòng họ qua các thế hệ.

**Câu 8.** Ý nghĩa của di truyền học là:

 **A.** Cung cấp giống cho con người .

 **B.** Có vai trò quan trọng đối với y học, công nghệ sinh học.

 **C.** Cả A và B đều đúng .

 **D.** Cung cấp cơ sở lí thuyết cho khoa học chọn giống.

**Câu 9.** Trong các tính trạng ở người sau: da trắng, tóc quăn, môi mỏng, mũi thẳng, da đen, lông mi dài. Các tính trạng trội là

 **A.** Tóc quăn, da đen, lông mi dài.

 **B.** Tóc quăn, môi mỏng, lông mi thẳng.

 **C.** Da trắng, môi mỏng, mũi thẳng.

 **D.** Da trắng, môi mỏng, mũi thẳng.

**Câu 10.** Bệnh Tơcnơ là một dạng bệnh:

 **A.** Chỉ xuất hiện ở nữ.

 **B.** Có thể xảy ra ở cả nam và nữ.

 **C.** Chỉ xuất hiện ở nam.

 **D.** Không xảy ra ở trẻ con, chỉ xảy ra ở người lớn.

**Câu 11.** Một đoạn gen có 1500 Nucleotit. Trong đó, số Nucleotit T chiếm 20% . Vậy số Nuclêotit từng loại sẽ là:

 **A.** A= T= 300 (Nu); G = X= 450 (Nu) **B.** A= T= 600 (Nu); G = X= 450 (Nu)

 **C.** T= X= 300 (Nu); G = A= 450 (Nu) **D.** A= T= 600 (Nu); G = X= 900 (Nu)

**Câu 12.** Điều nào dưới dây không đúng khi nói về đột biến gen?

 **A.** Đột biến gen có thể làm cho sinh vật ngày càng đa dạng, phong phú.

 **B.** Đột biến gen có thể có lợi, có hại hoặc trung tính.

 **C.** Đột biến gen là nguyên nguyên liệu cho quá trình chọn giống và tiến hoá.

 **D.** Đột biến gen luôn gây hại cho sinh vật vì làm biến đổi cấu trúc của gen.

**Câu 13.** Cho một đoạn mạch đơn của phân tử ADN có thứ tự các nuclêôtit là

AAT TTA GXG thì đoạn mạch bổ sung với nó có thứ tự là:

 **A.** ATT AAT GXG **B.** TTA AAT XGX **C.** XGX AAT ATG **D.** TAX TTA GXG

**Câu 14.** Thể đồng hợp là

 **A.** cá thể mang toàn các cặp gen đồng hợp.

 **B.** cá thể mang một số cặp gen đồng hợp trội, một số cặp gen đồng hợp lặn.

 **C.** cá thể mang các gen giống nhau quy định một hay một số tính trạng nào đó.

 **D.** cá thể mang toàn các cặp gen đồng hợp trội.

**Câu 15.** Loại tế bào nào sau đây có bộ NST đơn bội?

 **A.** Tế bào lưỡng bội 2n **B.** Giao tử

 **C.** Hợp tử **D.** Tế bào xôma

**Câu 16.** NST là gì?

 **A.** NST là cấu trúc nằm ngoài nhân tế bào, dễ bắt màu khi được nhuộm bằng dung dịch thuốc nhuộm mang tính kiềm.

 **B.** NST là cấu trúc nằm ngoài nhân tế bào.

 **C.** NST là cấu trúc nằm trong nhân tế bào, dễ bắt màu khi được nhuộm bằng dung dịch thuốc nhuộm mang tính kiềm.

 **D.** NST là cấu trúc nằm trong nhân tế bào.

**Câu 17.** Cơ chế phát sinh đột biến cấu trúc NST là do tác dụng của các tác nhân gây đột biến, dẫn đến:

 **A.** Phá vỡ cấu trúc NST.

 **B.** Gây ra sự sắp xếp lại các đoạn trên NST.

 **C.** Cả A và B đều đúng.

 **D.** NST gia tăng số lượng trong tế bào.

**Câu 18.** Muốn tiến hành phép lai phân tích, người ta cho đối tượng nghiên cứu

 **A.** Lai với cá thể đồng hợp lặn về tính trạng tương ứng.

 **B.** Tự thụ phấn.

 **C.** Lai với bố mẹ.

 **D.** Lai với F1.

**Câu 19.** Trong giảm phân, NST nhân đôi

 **A.** 1 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào I và 2 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào II.

 **B.** 1 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào II.

 **C.** 1 lần ở kỳ trung gian của lần phân bào I.

 **D.** ở kỳ trung gian của cả 2 lần phân bào.

**Câu 20.** Đột biến gen có những điểm nào giống biến dị tổ hợp?

 **A.** Đều thay đổi về cấu trúc gen.

 **B.** Đều cung cấp nguyên liệu cho quá trình chọn giống và tiến hoá.

 **C.** Đều là biến dị di truyền.

 **D.** B và C đều đúng.

**Câu 21.** Cho sơ đồ phả hệ sau của 2 gia đình về tính trạng màu mắt nâu và mắt đen. 

Nhận định nào sau đây đúng?

 **A.** Tính trạng màu mắt do gen trội quy định.

 **B.** Kiểu gen của người mẹ là đồng hợp.

 **C.** Gen quy định tính trạng màu mắt có thể nằm trên NST giới tính.

 **D.** Tính trạng màu mắt do gen nằm trên NST thường quy định**.**

**Câu 22.** Dạng đột biến gen làm dịch khung đọc mã di truyền là:

 **A.** thay thế cặp A-T thành cặp T-A. **B.** thay thế cặp A-T thành cặp X-G

 **C.** mất cặp nuclêôtit A-T hoặc G-X **D.** thay thế cặp G-X bằng cặp A-T.

**Câu 23.** Muốn phát hiện một cặp alen nào đó ở trạng thái đồng hợp hay dị hợp người ta sử dụng phương pháp nào sau đây?

 **A.** Quan sát dưới kính hiển vi. **B.** Lai với bố mẹ.

 **C.** Lai phân tích. **D.** Lai tương đương.

**Câu 24.** Tính trạng trội là

 **A.** tính trạng xuất hiện ở F2 với tỉ lệ ½.

 **B.** tính trạng có thể trội hoàn toàn hoặc trội không hoàn toàn.

 **C.** tính trạng biểu hiện ở cá thể đồng hợp trội hay dị hợp.

 **D.** tính trạng luôn biểu hiện ở F1.

**Câu 25.** Protein có mấy bậc cấu trúc không gian?

 **A.** 3. **B.** 2. **C.** 4. **D.** 1.

**Câu 26.** Tên gọi của phân tử ADN là:

 **A.** Nuclêôtit **B.** Axit nuclêic

 **C.** Axit ribônuclêic **D.** Axit đêôxiribônuclêic

**Câu 27.** Mức độ gây hại của alen đột biến đối với thể đột biến phụ thuộc vào

 **A.** tác động của các tác nhân gây đột biến.

 **B.** điều kiện môi trường sống của thể đột biến.

 **C.** môi trường sống và tổ hợp gen mang đột biến.

 **D.** tổ hợp gen mang đột biến.

**Câu 28.** Một tế bào có 2n = 14. Số NST của tế bào ở kỳ sau của quá trình nguyên phân là

 **A.** 14. **B.** 28. **C.** 42. **D.** 7.

**Câu 29.** Phép lai nào sau dây được gọi là phép lai phân tích?

 **A.** Aa x aa. **B.** Aa x Aa. **C.** Aa x AA. **D.** AA x Aa.

**Câu 30.** Mỗi chu kì xoắn của ADN cao 34Å gồm 10 cặp nuclêôtit. Vậy chiều dài của mỗi cặp nuclêôtit tương ứng với bao nhiêu Å?

 **A.** 17 Å **B.** 3,4 Å **C.** 20 Å **D.** 1,7 Å

**Câu 31.** Bệnh Đao là kết quả của :

 **A.** Đột biến về cấu trúc nhiễm sắc thể.

 **B.** Đột biến gen.

 **C.** Đột biến đa bội thể.

 **D.** Đột biến dị bội thể**.**

**Câu 32.** Cơ thể lớn lên nhờ quá trình

 **A.** phân bào. **B.** hấp thụ chất dinh dưỡng.

 **C.** trao đối chất và năng lượng. **D.** vận động.

**Câu 33.** Ở ruồi giấm có bộ NST 2n = 8. Một tế bào trải qua giảm phân. Số NST trong tế bào ở kỳ đầu của giảm phân II là

 **A.** 32 **B.** 8 **C.** 4 **D.** 16

**Câu 34.** Đột biến gen thường gây hại cho cơ thể mang đột biến vì

 **A.** làm ngừng trệ quá trình phiên mã, không tổng hợp được prôtêin.

 **B.** làm gen bị biến đổi dẫn tới không kế tục vật chất di truyền qua các thế hệ.

 **C.** làm biến đổi cấu trúc gen dẫn tới cơ thể sinh vật không kiểm soát được quá trình tái bản của gen.

 **D.** làm sai lệch thông tin di truyền dẫn tới làm rối loại quá trình sinh tổng hợp prôtêin.

**Câu 35.** Thành phần hoá học chủ yếu của NST là

 **A.** Protein và ADN. **B.** Protein anbumin và axit nucleic.

 **C.** Protein và sợi nhiễm sắc. **D.** Protein histon và axit nucleic.

***------ HẾT ------***